TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK R'LẤP** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HS-ST
Ngày: 20 - 7 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Đoàn Minh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tư và ông Nguyễn Thế Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2022/TLST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST-HS ngày 10-6-2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/HSST-QĐ ngày 24-6-2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 03/2022/HSST-TB ngày 04-7-2022, đối với bị cáo:

Lê Văn T (Tên gọi khác: Lê Văn H), sinh năm 1947, tại tỉnh Tiền Giang; (nơi cư trú cũ: Ấp H, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang); *nơi cư trú hiện tại: Ấp I, xã V, huyện T, tỉnh An Giang;* Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Không; con ông Tôn Văn P và bà Lê Thị M (đều đã chết); sống chung như vợ chồng với Lâm M (sinh năm 1956, đã chết), có 01 con 47 tuổi.

Nhân thân: Sau khi bị truy nã về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và tội "Trốn khỏi nơi giam", ngày 18-12-2001 Lê Văn T tiếp tục thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, bị Tòa án nhân dân Quận 01, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 30 tháng tù tại Bản án số 202/HSST ngày 19-3-2002, chấp hành án tại Trại giam kênh 7- Bộ Công an, thuộc tỉnh Kiên Giang. Quá trình chấp hành án, ngày 22-10-2002 tiếp tục bỏ trốn khỏi nơi giam, bị Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xử phạt 21 tháng tù tại Bản án số 15/HS-ST ngày 26-7-2003. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù và các quyết định khác của 02 bản án nêu trên, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01-10-1999 đến ngày 13-10-1999 và từ ngày 20-10-2021 đến ngày 19-11-2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam cho gia đình bảo lĩnh, hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, tại ngoại. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01-10-1999, Công an huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Lắk *(nay là tỉnh Đắk Nông)* bắt quả tang Lê Văn H (*tên gọi khác: T; sinh năm 1950; trú tại tổ 3, Khu 2, Đắk R, huyện Đ)* và Nguyễn Thị L *(sinh năm 1960; trú tại tổ 10, Đắk R, huyện Đ)* về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tại thông báo kết quả giám định số 2757/C21B ngày 18-10-1999 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Trong mẫu A được niêm phong có chữ ký đứng tên Nguyễn Thị L gửi tới giám định có chứa thành phần thuốc phiện: Trọng lượng 41,6 gam; Trong mẫu B được niêm phong có chữ ký đứng tên Lê Văn H gửi tới giám định có chứa thành phần thuốc phiện: Trọng lượng 32,2 gam. Do H và L tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích bán lại cho người khác, nên ngày 04-10-1999 Công an huyện Đắk R'Lấp ban hành Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và ra Lệnh tạm giam đối với Lê Văn H và Nguyễn Thị L về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", quy định tại khoản 2 Điều 185đ của Bộ luật Hình sự năm 1985.

Ngày 13-10-1999, trong quá trình tạm giam H bị ốm nên được đưa đến Bệnh viện đa khoa huyện Đ điều trị, tại đây Hưng đã mở khóa còng bỏ trốn, nên ngày 16-10-1999 Công an huyện Đắk R'Lấp ban hành Quyết định truy nã đối với Lê Văn H. Do vụ án thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk, nên ngày 28-10-1999, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp ban hành Quyết định chuyển vụ án trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk. Ngày 08-12-1999, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định khởi tố bị can đối với Lâm M *(sinh năm 1956; HKTT: Số 86/54 đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai)* với vai trò đồng phạm với Lê Văn H trong vụ án "Mua bán trái phép chất ma túy" nêu trên.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã chuyển hồ sơ đề nghị truy tố, xét xử đối với Nguyễn Thị L và Lâm M theo quy định, trong quá trình thi hành án phạt tù Lâm Mỹ H và Nguyễn Thị L đều đã chết. Đối với Lê Văn H bỏ trốn chưa bắt được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã tách vụ án, tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Lê Văn H.

Đến ngày 20-10-2021, Lê Văn H đến Công an tỉnh Đắk Nông đầu thú và khai báo tên thật của H là Lê Văn T *(sinh ngày 29-6-1947; nơi cư trú: Ấp H, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang)* và khai nhận hành vi phạm tội của mình, cụ thể như sau: Đầu năm 1995, do nghiện thuốc phiện nên Lê Văn T và Lâm M *(T và M sống chung với nhau như vợ chồng)* thường mua ma túy của Nguyễn Thị L để sử dụng. Đến tháng 12 năm 1998, L, T và M thỏa thuận, L đưa ma túy cho T và M bán lẻ cho các con nghiện, L cho T và M hưởng 20% lợi nhuận từ doanh số bán ma túy có được nhưng quy đổi thành ma túy (L giao cho T và M 12 tép ma túy, T và M bán được 10 tép ma túy thì được hưởng lợi 02 tép ma túy còn lại). Trong quá trình bán ma túy, do nhu cầu sử dụng ma túy ngày càng tăng nên T và M đã sử dụng âm vào số ma túy mà L đưa để bán, dẫn đến không có tiền trả cho L nên L không cung cấp ma túy cho T và M bán nữa. Do đó, T đã nhiều lần đi xuống khu vực Bến đò B, đường T, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh mua ma túy của người nữ giới tên S *(không xác định được nhân thân, lại lịch)* rồi mang về khu

Trung tâm Đắk R thuộc xã Q, huyện Đ để sử dụng và nhiều lần bán ma túy cho Phạm T (*sinh năm 1956; nơi đăng ký HKTT: số 40/62, T, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh)* và Lý Th *(sinh năm 1952; nơi đăng ký HKTT: số 16/45/33, đường K, Phường U, Quận N, thành phố Hồ Chí Minh).* Ngày 30-09-1999, T tiếp tục đi xuống khu vực Bến đò B, đường T, Quận C, TP. Hồ Chí Minh gặp đối tượng S mua được 32,2 gam thuốc phiện với giá 320.000 đồng mang về bán. Ngày 01-10-1999, khi T mang số ma túy trên về đến Trung tâm Đắk R, thuộc xã Q, huyện Đ để bán cho các con nghiện thì bị Công an huyện Đắk R'Lấp bắt quả tang, thu giữ toàn bộ tang vật. Cùng ngày, T bị Công an huyện Đắk R'Lấp tạm giữ sau đó bị khởi tố và tạm giam. Ngày 13-10-1999, khi đang điều trị bệnh tại Bệnh viện đa khoa huyện Đ, lợi dụng sơ hở T đã mở khóa còng bỏ trốn.

Sau khi đến Công an tỉnh Đắk Nông đầu thú Lê Văn T khai nhận trước đây lấy tên Lê Văn H, nên ngày 22-10-2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định dấu vân tay trên danh bản, chỉ bản của Lê Văn T do Công an tỉnh Đắk Nông lập ngày 22-10-2021 với dấu vân tay trên danh bản số 390 của Lê Văn H do Công an huyện Đắk R'Lấp lập ngày 03-10-1999. Tại bản kết luận giám định số 40/GĐTL-PC09 ngày 26-10-2021, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Nông, kết luận: Các dấu vân tay nêu trên là của cùng một người in ra.

Cáo trạng số 35/CT-VKS-ĐL ngày 18 tháng 4 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo Lê Văn T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và tội "Trốn khỏi nơi giam", theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 và khoản 1 Điều 386 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo Lê Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn bị cáo thừa nhận hành vi của mình là sai trái, bị truy tố và xét xử là không oan sai.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp giữ nguyên quyết định truy tố; sau khi phân tích nội dung vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Văn T (Tên gọi khác: Lê Văn H) phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và tội "Trốn khỏi nơi giam",

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251 và khoản 1 Điều 386, các điểm o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T từ *07 năm đến 07 năm 06 tháng tù*, về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và từ *09 tháng đến 12 tháng tù* về tội "Trốn khỏi nơi giam". Tổng hợp hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là từ *07 năm 09 tháng đến 08 năm 06 tháng tù,* được khấu trừ thời gian đã bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01-10-1999 đến ngày 13-10-1999 và từ ngày 20-10-2021 đến ngày 19-11-2021, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng, đã được xử lý trong Bản án hình sự sơ thẩm số 186/2000/HSST ngày 19-9-2000 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, nên không đề cập giải quyết.

Đối với hành vi của Nguyễn Thị L và Lâm M đã được Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử tại bản án hình sự sơ thẩm số 186/2000/HSST ngày 19-9-2000, nên không đề cập giải quyết.

Đối với hành vi của đối tượng nữ giới tên S bán ma túy cho Lê Văn T, quá trình phục hồi điều tra không có thông tin về nhân thân, lai lịch của đối tượng, nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với hành vi của đối tượng Phạm T và đối tượng Lý Th là những người mua ma túy của Lê Văn T quá trình phục hồi điều tra không xác định được chỗ ở hiện nay của các đối tượng nên không có cơ sở để xử lý.

Bị cáo không có mặt tại phiên tòa, nên không trình bày lời bào chữa và lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị cáo Lê Văn T đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác của Tòa án. Bị cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa vì lý do sức khỏe, đơn đề nghị có xác nhận của chính quyền địa phương. Do đó, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị cáo theo quy định.

[2]. Lời khai nhận của bị cáo trong quá trình điều tra hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận:

Ngày 01-10-1999, tại Trung tâm Đắk R thuộc xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk cũ (nay là tỉnh Đắk Nông), bị cáo Lê Văn T có hành vi tàng trữ 32,2 gam ma túy (là thuốc phiện) nhằm mục đích bán cho người khác để thu lợi bất chính, thì bị Công an huyện Đắk R'Lấp bắt quả tang. Ngoài ra, vào tháng 12 năm 1998 và trong năm 1999, bị cáo T và Lâm M đã nhiều lần nhận ma túy của Nguyễn Thị L mang về nơi ở của mình tại Khu 2, Đắk R, thuộc xã Q, huyện Đ cất giấu, rồi nhiều lần bán lại cho Phạm T và Lý Th để kiếm lời.

Do Lê Văn T, Lâm M, Nguyễn Thị Lan tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích bán lại cho người khác, nên bị khởi tố và bắt tạm giam về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Quá trình tạm giam, ngày 13-10-1999 bị cáo Lê Văn T bị ốm nên được đưa đến Bệnh viện đa khoa huyện Đ điều trị, tại đây bị cáo đã mở khóa còng bỏ trốn.

Đối với hành vi của Lâm M và Nguyễn Thị L, đều đã bị xử lý.

Hành vi của bị cáo Lê Văn T đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy " và tội "Trốn khỏi nơi giam", tội phạm và hình phạt được quy định tại

điểm b khoản 2 Điều 185đ và khoản 1 Điều 245 của Bộ luật Hình sự năm 1985, sửa đổi bổ sung năm 1997.

“ Điểm b khoản 2 Điều 185đ của Bộ luật Hình sự năm 1985, sửa đổi bổ sung năm 1997 quy định:

1- Người nào mua bán trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm.

2- Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười năm đến mười lăm năm:

a) ...

b) Phạm tội nhiều lần;

...”

“Khoản 1 Điều 245 của Bộ luật Hình sự năm 1985 quy định:

1- Người nào đang bị giam hoặc đang bị dẫn giải mà bỏ trốn thì bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.

2- ...”

Tuy nhiên, Bộ luật Hình sự năm 1985 đã hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01-7-2000, hiện nay được thay thế bởi Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Trốn khỏi nơi giam”, Bộ luật Hình sự năm 1985 đang có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 251 và khoản 1 Điều 386 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định về các tội này có khung hình phạt nhẹ hơn, có lợi hơn cho bị cáo. Vì vậy căn cứ khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội, để xử lý các hành vi trên đối với bị cáo Lê Văn Thời về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Trốn khỏi nơi giam”, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 và khoản 1 Điều 386 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R’Lấp truy tố bị cáo, là hoàn toàn có căn cứ.

“Điểm b Khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định:

1. Người nào mua bán trái phép chất ma tuý, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a)...

*b) Ph*ạm tội 02 lần trở lên;

...”

“Khoản 1 Điều 386 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào đang bị tạm giữ, tạm giam, áp giải, xét xử hoặc chấp hành án phạt tù mà bỏ trốn, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. ...”

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy mà còn gây ảnh

hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tệ nạn xã hội và các tội phạm khác.

Hành vi của bị cáo còn xâm phạm hoạt động tư pháp, gây cản trở, ảnh hưởng xấu đến hoạt động bình thường, đúng đắn của cơ quan tiến hành tố tụng nói chung và cơ quan thi hành án hình sự nói riêng, làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ sở giam giữ.

[4]. Bị cáo có nhân thân xấu:

Sau khi bị truy nã về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và tội "Trốn khỏi nơi giam", ngày 18-12-2001 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, bị Tòa án nhân dân Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 30 tháng tù, trong thời gian chấp hành án, ngày 22-10-2002 bị cáo tiếp tục bỏ trốn khỏi nơi giam, bị Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xử phạt 21 tháng tù. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù và các quyết định khác của 02 bản án nêu trên và đã được xóa án tích.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi đầu thú, bị cáo thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội, có thái độ ăn năn hối cải; bị cáo sinh năm 1947, hiện nay 75 tuổi (đủ 70 tuổi trở lên) đã già yếu, đang điều trị bệnh và hoàn cảnh gia đình khó khăn, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, không có tài sản, thu nhập riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Vật chứng đã được xử lý trong Bản án hình sự sơ thẩm số 186/2000/HSST ngày 19-9-2000 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, nên không đề cập giải quyết.

[8]. Đối với hành vi của Nguyễn Thị L và Lâm M đã được Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử tại bản án hình sự sơ thẩm số 186/2000/HSST ngày 19-9-2000. Đối với hành vi của đối tượng nữ giới tên Sáu bán ma túy cho Lê Văn T, quá trình phục hồi điều tra không có thông tin về nhân thân, lai lịch của đối tượng, nên không có cơ sở để xử lý. Đối với hành vi của đối tượng Phạm T và đối tượng Lý Th là những người mua ma túy của Lê Văn T, quá trình phục hồi điều tra không xác định được chỗ ở hiện nay của các đối tượng nên không có cơ sở để xử lý. Do đó, không đề cập xem xét giải quyết, là phù hợp.

[9]. Xét các chứng cứ buộc tội, quan điểm đề nghị xử lý của đại diện Viện kiểm sát, là có căn cứ cần chấp nhận.

[10]. Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 251 và khoản 1 Điều 386, các điểm

o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

2. Tuyên bố bị cáo **Lê Văn T (Tên gọi khác: Lê Văn H)** phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và tội "Trốn khỏi nơi giam", xử phạt bị cáo Lê Văn T 07 (bảy) năm tù, về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và 09 (chín) tháng tù về tội "Trốn khỏi nơi giam". Tổng hợp hình phạt chung, bị cáo phải chấp hành là **07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù,** được khấu trừ thời gian đã bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01-10-1999 đến ngày 13-10-1999 và từ ngày 20-10-2021 đến ngày 19-11-2021, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND H.Đắk R'Lấp;
- Phòng PC 06 và PC 10 CA tỉnh Đắk Nông;
- Cơ quan CSĐT Công an H.Đắk R'Lấp;
- Cơ quan THAHS Công an H.Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS H.Đ;
- Bị cáo;
- UBND xã V;
(H. T, T.An Giang)
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Đoàn Minh Hương